

CÔNG TY TNHH SX&TM GỖ VÁN ÉP HUY PHÚ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SX&TM GỖ VÁN ÉP HUY PHÚ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107966237

3. Ngày thành lập: 17/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Km29 - QL3, thôn Hương Ninh, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Mua bán vàng trang sức, mỹ nghệ (trừ kinh doanh vàng miếng) Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
2.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
3.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
4.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
5.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ	4789
6.	Sản xuất sợi	1311
7.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
8.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
9.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
10.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
11.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
12.	Vận tải bằng xe buýt	4920

13.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
16.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
17.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
18.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
19.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
20.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
21.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
22.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
25.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
26.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
27.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
28.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
29.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
30.	Sản xuất giày dép	1520
31.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
35.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
36.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
39.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
40.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
41.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
42.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
43.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
44.	In ấn	1811
45.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
46.	Sao chép bản ghi các loại	1820
47.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011

48.	Bốc xếp hàng hóa	5224
49.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
50.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dừng để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
51.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
52.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
53.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
54.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
55.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
56.	Quảng cáo	7310
57.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
58.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
59.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
60.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
61.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
62.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
63.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
64.	Tái chế phế liệu	3830
65.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
66.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
67.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
68.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
69.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
70.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
71.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
72.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
73.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
74.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

75.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
76.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
77.	Xây dựng nhà các loại	4100
78.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
79.	Xây dựng công trình công ích	4220
80.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
81.	Phá dỡ	4311
82.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
83.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
84.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
85.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
86.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
87.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
88.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. Lắp đặt thiết bị phòng cháy và chữa cháy	4329
89.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
90.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
91.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
92.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
93.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
94.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
95.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
96.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

97.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
98.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
99.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
100.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
101.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
102.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
103.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
104.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
105.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
106.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
107.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
108.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
109.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
110.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
111.	Bán mô tô, xe máy	4541
112.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
113.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
114.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
115.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
116.	Cho thuê xe có động cơ	7710
117.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
118.	Đại lý du lịch	7911
119.	Điều hành tua du lịch	7912
120.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
121.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
122.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
123.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
124.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
125.	Dịch vụ đóng gói	8292
126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299(Chính)
127.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
128.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
129.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
130.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
131.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

132.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
133.	Bán buôn gạo	4631
134.	Bán buôn thực phẩm	4632
135.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
136.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
137.	Sản xuất đường	1072
138.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
139.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
140.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
141.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
142.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
143.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
144.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
145.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
146.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
147.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
148.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
149.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
150.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
151.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
152.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
153.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
154.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

155.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác (không bao gồm kinh doanh vàng)	4662
156.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
157.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
158.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
159.	Sản xuất nhạc cụ	3220
160.	Bán buôn đồ uống	4633
161.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
162.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
163.	Sản xuất rượu vang	1102
164.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
165.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
166.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
167.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
168.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
169.	Đúc sắt, thép	2431
170.	Đúc kim loại màu	2432
171.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
172.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
173.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
174.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
175.	Bán buôn tổng hợp	4690
176.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
177.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
178.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
179.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
180.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

181.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
182.	Thu gom rác thải độc hại	3812
183.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
184.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
185.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
186.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
187.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
188.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
189.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
190.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
191.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
192.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
193.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
194.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
195.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
196.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
197.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
198.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
199.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
200.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐINH XUÂN PHÚ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/08/1956

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012907666

Ngày cấp: 09/08/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Km29 - QL3, thôn Hương Ninh, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Km29 - QL3, thôn Hương Ninh, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH XUÂN PHÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/08/1956

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012907666

Ngày cấp: 09/08/2006

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Km29 - QL3, thôn Hương Ninh, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Km29 - QL3, thôn Hương Ninh, Xã Hồng Kỳ, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội